

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 29

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Cháo hén, bí đỏ, đu đủ hương, nầm bảo ngư, xà lách búp, hành phi, hành lá, ngô rí
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá diêu hồng hấp nầm đùi gà, cải thìa, gừng, hành lá
- Canh khoai tây nấu thịt heo, hành lá, ngô rí
Xế: Dưa lười
Xế chiều: Xôi thập cẩm (tôm tươi, nước cốt dừa, khoai môn, bắp mỹ, tóp mỡ, hành phi, hành lá, ngô rí
- NT nhóm 2: Cháo tôm tươi khoai môn

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	400	3,140	12,560
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	2,000	2,560	51,200
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	8,400	8,400
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,930	4,465
10	0002	Gạo nếp (loại thường)	400	3,050	12,200
11	0085	Bí đỏ (bí ngô)	200	4,520	9,040
12	0115	Đu đủ xanh	200	3,680	7,360
13	N0778	Nầm bảo ngư	100	13,130	13,130
14	0172	Rau xà lách	100	9,140	9,140
15	0410	Hén	400	18,380	73,520
16	0635	Nầm đùi gà	100	11,450	11,450
17	0097	Cải thìa (cải trắng)	100	6,510	6,510
18	0511	Gừng tươi	30	8,090	2,427
19	N0799	Cá diêu hồng phi lê	1,400	22,680	317,520
20	0037	Khoai tây	700	3,990	27,930
21	N0770	Thịt nạc dăm	400	17,850	71,400
24	0667	Dưa lười	1,200	6,200	74,400
25	0424	Tôm sú	500	34,970	174,850
26	0033	Khoai môn	200	6,620	13,240
27	0007	Ngô bắp tươi	200	4,200	8,400

28	N0850	Mỡ heo sống	100	10,300	10,300
29	0457	Sữa bột toàn phần	549.56	20,500	112,660
30	N0879	Nước cốt dừa	200	11,430	22,860
Tổng cộng					1,073,002

Tổng tiền thực phẩm	1,073,002
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,073,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	12,506,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	12,506,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan